TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 266/2025/HNGĐ-ST Ngày 01-12-2025. V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Chí Công.

Ông Đào Việt Khái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 01 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 416/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Châu Văn T, sinh năm 1988 (CCCD số 096088001898, cấp ngày 24/10/2022- Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã Hồ Thị Kỷ, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thúy Q, sinh năm 1994 (CCCD số 096194010606, cấp ngày 26/5/2022- Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Phú Mỹ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 9 năm 2025 cùng các văn bản khác kèm theo, nguyên đơn anh Châu Văn T trình bày: Vào năm 2013 anh và chị Trần Thúy Q kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Cà Mau) vào ngày 14/11/2013. Trong quá trình chung sống giữa anh và chị Q đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh

phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, do đó anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thúy Q. Về con chung, có một người tên là Châu Văn Huy (giới tính nam), sinh ngày 10 tháng 01 năm 2014, hiện do chị Q trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn chị yêu cầu giao con chung cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thúy Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Đồng thời, cũng không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của anh Châu Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Q là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn chị Q cư trú tại ấp Đ, xã Phú Mỹ, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nói trên là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân, anh T và chị Q kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân giữa anh T và chị Q là hôn nhân hợp pháp. Anh T yêu cầu ly hôn với chị Q vì anh T cho rằng quá trình chung sống giữa anh T và chị Q đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn giữa anh T và chị Q đã trầm trọng mà không hàn gắn, đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, chị Q không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh T cũng như không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận cho anh T ly hôn với chị Q là có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, có một người tên là Châu Văn Huy (giới tính nam), sinh ngày 10 tháng 01 năm 2014. Anh T yêu cầu giao cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Q không có ý kiến phản đối với yêu cầu về con chung của anh T. Xét thấy, con chung hiện do chị Q là người trực tiếp nuôi dưỡng, do đó nhằm để ổn định về điều kiện môi trường sống và đảm bảo sự phát triển bình thường của con chưa thành niên, từ đó giao cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 tháng, cấp hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi Châu Văn Huy đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động. Đây là sự tự nguyện của anh T nên ghi nhận là có căn cứ.

[4] Anh T xác định tài sản chung và nợ chung là không có nên không yêu cầu giải quyết. Chị Q không có ý kiến về những vấn đề trên nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con, anh T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Châu Văn T ly hôn với chị Trần Thúy Q.

2. Về con chung, chị Trần Thúy Q trực tiếp nuôi dưỡng Châu Văn Huy (giới tính nam), sinh ngày 10 tháng 01 năm 2014.

Anh Châu Văn T cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 tháng, cấp hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi Châu Văn Huy đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động.

Anh Châu Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Châu Văn T phải chịu 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con anh Châu Văn T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001213, ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, nay đối trừ anh Châu Văn T còn phải tiếp tục nộp thêm số tiền 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Huệ